| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 398/2024/HS-PT
Ngày: 15/5/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Xuân Trọng;

*Các Thẩm phán*: Ông Phạm Văn Nam;

Bà Trần Thị Quỳnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 271/2024/TLPT- HS ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Trần Thị L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Trần Thị L, sinh năm 1971, tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số nhà C, đường V, tổ dân phố A, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Số nhà C, phố L, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Con ông Trần Ngọc Đ (đã chết) và bà Đỗ Thị T (đã chết); Có chồng là Phí Hồng Q (đã ly hôn) có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền sự, nhân thân: Không; Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HSST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Đánh bạc"; Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/6/2023, tạm giam từ ngày 15/6/2023; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đinh Anh T1 - Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Vũ Thị T2 và Trần Thị L có quan hệ bạn bè thân thiết với nhau. Đầu tháng 6/2022, chị Lê Mai A là con gái của bà T2 bị Cơ quan Điều tra - Bộ Q1 triệu tập, để điều tra về hành vi Giả mạo trong công tác. Do có nhu cầu cần luật sư hỗ trợ pháp lý cho chị Mai A nên bà T2 tìm hiểu và biết Văn phòng luật sư Danh T3. Cùng thời gian trên, bà T2 có nói chuyện với Trần Thị L về việc chị Mai A có liên quan đến pháp luật, rủ L đi cùng đến Văn phòng Luật sư để nhờ tư vấn pháp luật. Thời gian sau đó, bà T2 cùng L nhiều lần gặp ông T3, trao đổi về việc nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Mai A. Theo thoả thuận, thống nhất giữa bà T2 với ông T3 thì chi phí cho bên luật sư là 1.000.000.000 đồng. Do chị Mai A đang bị điều tra, bà T2 sợ bị theo dõi, ghi âm, nên đã nhờ L thay mặt mình, chủ động liên hệ, trao đổi công việc với ông T3, rồi báo lại kết quả cho bà T2. Ngày 15/7/2022, bà T2 nộp trước số tiền 300.000.000 đồng cho nhân viên văn phòng và chưa ký hợp đồng. Ngày 20/7/2022, L gọi điện thoại cho ông T3, hẹn ngày 21/7/2022 thì bà T2 đến Văn phòng luật sư Danh T3 để ký hợp đồng và chuyển nốt số tiền 700.000.000 đồng. Đến Khoảng 14 giờ cùng ngày, bà T2 từ tỉnh Thái Bình về đến Thành phố Hà Nội gặp L và chị Mai A. Sau đó cùng L cùng T2 và chị Mai A đi đến Văn phòng luật sư Danh T3. Đến nơi, chị Mai A ngồi bên ngoài, bà T2 cùng L đi vào bên trong Văn phòng luật sư. Tại đây, bà T2 và ông T3 ký *"Hợp đồng dịch vụ pháp lý"*, có nội dung:

*".... Điều 1: Nội dung yêu cầu của bên A: Yêu cầu Văn phòng luật sư Danh T3 cử luật sư tư vấn, bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con tôi là Lê Mai A (sinh năm 1991; trú tại Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội) về những vấn đề pháp lý liên quan đến vụ án "lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" xảy ra tại Trường cao đẳng Y (địa chỉ tại xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên). Vụ án hiện do Cục Đ2 Bộ Q1 thụ lý, giải quyết. Yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho con tôi từ giai đoạn điều tra đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.*

*Điều 2: Lệ phí, thù lao dịch vụ và các chi phí khác*

*2.1 Lệ phí dịch vụ luật sư do các bên tự thỏa thuận trên cơ sở yêu cầu công việc thực tế phát sinh sau khi ký kết hợp đồng.*

*2.2 Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán lệ phí dịch vụ luật sư cho bên B khi bên B có yêu cầu và được bên A chấp nhận ...".*

Do có ý định chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng của bà T2 để trả nợ, nên trước khi vào Văn phòng luật sư, L đã gọi điện thoại cho chị Phí Thùy D là con gái L, nói tài khoản của L bị lỗi hạn mức, nhờ chị D mượn tài khoản của bạn ở Hà Nội nhận tiền hộ L. Chị D đã gọi điện thoại cho bạn là chị Nguyễn Chí M H hỏi mượn số tài khoản của chị H để nhận tiền chuyển đến. Chị H đồng ý và nhắn số tài khoản 040704060099398 của mình cho chị D và chị D đã chuyển tiếp cho L. Sau khi ký hợp đồng với luật sư, L nói với bà T2 đi ra ngoài trước, L ở lại trao đổi công việc. Khoảng 02 - 03 phút sau, L đi ra nói dối với bà T2 về việc Văn phòng luật sư yêu cầu bà T2 chuyển tiền cho ông T3 qua số tài khoản của nhân viên Văn phòng. Sau đó, L cùng bà T2 và chị Mai A đi đến Ngân hàng thương mại cổ phần K (T6) - Chi nhánh N2 để chuyển tiền. Trên xe ô tô, L đưa cho bà T2 tờ giấy có ghi số tài khoản 040704060099398 của chị H mở tại Ngân hàng Q2 (V1) và nói với bà T2 đây là số tài khoản của nhân viên Văn phòng luật sư, bảo bà T2 chuyển tiền vào đó. Khi đến ngân hàng, L cùng bà T2 đi vào và bà T2 đã chuyển số tiền 700.000.000 đồng đến tài khoản của chị H, ghi nội dung chuyển tiền *"VU THI THOM CHUYEN TIEN CHO ANH TIN SO 4 LY THUONG KIET"*. Hồi 16 giờ 06 phút cùng ngày, chị H thấy tiền về tài khoản nên đã nhắn tin cho chị D: *"Chị ơi, em vừa nhận được 700 triệu nhá, của VU THỊ THƠM chuyển khoản chị nhé"*. Chị D nhắn tin trả lời: *"Ok em"* rồi gọi điện thoại báo cho L biết. Sau đó, L gọi điện thoại cho anh Vũ Quang D1 là em chồng của chị D, bảo anh D1 nhắn tin số tài khoản của anh D1 cho chị D, nói có người sẽ chuyển tiền vào tài khoản của anh D1. Đồng thời, L gọi điện thoại cho anh Vũ Tá B là con rể của L, bảo với anh B, khi nào tài khoản của anh B nhận được tiền chuyển đến, thì anh B chuyển khoản vào tài khoản của L. Tiếp theo, L gọi điện thoại bảo chị D nhắn với bạn, chuyển số tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản của anh D1. Chị D đồng ý và gọi điện thoại cho chị H, nhắn số tài khoản 19033598524013 của anh D1 mở tại Ngân hàng T6 cho chị H để chuyển tiền. Khi chị H sử dụng ứng dụng Internetbanking, chuyển số tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản của anh D1 thì bị lỗi hạn mức, chị H đã nhắn tin cho chị D, với nội dung: *"Cái thẻ này của e hạn mức có 50tr/ngày sao á chị, em thử dưới 500 triệu nó vẫn không*

*chuyển được”*. Chị D nói với chị H, bảo thử chuyển số tiền dưới 50.000.000 đồng. Sau đó, chị H đã chuyển được số tiền 49.000.000 đồng vào tài khoản của anh D1, rồi chụp ảnh màn hình gửi cho chị D. Chị D nhắn tin trả lời *“Ok em”*, đồng thời gửi số tài khoản 119986868 của anh D1 mở tại Ngân hàng V1 cho chị H, nhờ chuyển tiếp số tiền còn lại vào tài khoản này. Tuy nhiên, chị H tiếp tục không chuyển khoản được, chị H nhắn tin cho chị D: *"Không chuyển được chị ạ, N vẫn báo hết hạn mức”*. Chị D gọi điện thoại, bảo chị H sáng mai ra ngân hàng, đổi hạn mức chuyển tiền. Đến khoảng 08 giờ 22/7/2022, sau khi làm thủ tục đổi hạn mức chuyển tiền, chị H đã chuyển nốt số tiền 651.000.000 đồng vào tài khoản số 119986868 của anh D1. Nhận được số tiền 700.000.000 đồng, anh D1 nhắn tin cho chị D biết, chị D bảo anh D1 chuyển số tiền trên vào tài khoản số 19032887615012 mở tại Ngân hàng T6 của anh B là chồng D. Chiều ngày 22/7/2022, anh B đã chuyển số tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản số 1903265879999 của L mở tại Ngân hàng T6. Cùng trong buổi chiều ngày 22/7/2022, L đã trả nợ cho ông Trần Quang T4 số tiền 440.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 1903265879999 của L mở tại Ngân hàng T6 đến tài khoản số 19033574272013 của ông T4 mở tại Ngân hàng T6); trả nợ anh Nguyễn Văn T5 số tiền 200.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của L đến tài khoản số 05088012266222 của anh T5 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần H1). Số tiền còn lại, L sử dụng chi tiêu cá nhân.

Đến tháng 10/2022, chị Lê Mai A bị Cơ quan điều tra - Bộ Q1 khởi tố bị can về tội “Giả mạo trong công tác” để điều tra, xử lý theo pháp luật. Ngày 27/10/2022, bà T2 đến Văn phòng luật sư Danh T3 gặp ông T3 để hỏi về sự việc của chị Mai A. Tại đây, bà T2 đưa cho ông T3 giấy xác nhận của ngân hàng, thể hiện việc bà T2 chuyển khoản số tiền 700.000.000 đồng. Ông T3 cho bà T2 biết là không nhận được số tiền 700.000.000 đồng và tại Văn phòng không có nhân viên tên là H. Cùng ngày, Văn phòng L2 và bà T2 đã ký thanh lý *“Hợp đồng dịch vụ pháp lý”*, bà T2 được Văn phòng hoàn trả lại số tiền 300.000.000 đồng. Lúc này, bà T2 biết L có hành vi chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng của mình nên đã liên hệ với L, yêu cầu trả lại tiền nhưng L không trả. Ngày 20/3/2023, bà T2 gửi đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Thị L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H.

Ngày 09/6/2023, Trần Thị L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú và bị bắt giam để điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 15/6/2023 và ngày 12/7/2023, bà Trần Thị Nguyệt N1 là chị gái của Trần Thị L đã bồi thường cho bà Vũ Thị T2 số tiền 700.000.000 đồng. Bà T2 đã nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Thị L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b-s khoản 1và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 khoản Điều 52, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thị L 09 (chín) năm tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 23/01/2024, bị cáo Trần Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, mặc dù vợ chồng ly hôn, nhưng bị cáo vẫn đang ở nhà chồng vì chồng bị cáo đã bỏ đi nước ngoài sau đó mới ly hôn với bị cáo, bản thân bị cáo sức khỏe không được tốt, gia đình bị cáo có nhiều người tham gia cách mạng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội danh và mức hình phạt là đúng, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình thêm các tình tiết mới như: Hồ sơ bệnh án xác định bị cáo đang mắc bệnh, gia đình bị cáo có nhiều người có công với cách mạng, thái độ khai báo thành khẩn hơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo từ một đến hai năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Nhất trí tội danh và điều luật mà tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết cho bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã hoàn toàn nhận ra được hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường hết cho người bị hại. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng**:

Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

**[2] Về nội dung**:

Do bà Vũ Thị T2 và Trần Thị L là bạn bè, lợi dụng việc bà T2 chuyển tiền phí dịch vụ pháp lý cho Văn phòng L2 để thực hiện việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị Mai A là con gái bà T2, Trần Thị L muốn chiếm đoạt số tiền trên nên đã có hành vi gian dối cung cấp số tài khoản của người khác nhưng nói dối bà T2 là tài khoản của nhân viên Văn phòng L2, bà T2 tin tưởng nên đã chuyển số tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản mà Trần Thị L đưa cho, sau đó L đã hướng dẫn con gái, con rể chuyển số tiền của bà T2 qua nhiều số tài khoản khác nhau rồi vào tài khoản của L để chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên, ngay sau khi có tiền L lập tức dùng để trả nợ riêng và chi tiêu cá nhân. Như vậy, hành vi trên của Trần Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng.

**[3]** Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy như sau: Hành vi của bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bạn bè để chiếm đoạt tài sản do vậy cần thiết phải xử phạt nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là đúng.

Về nhân thân: Ngày 22/6/2018, bị cáo bị TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời hạn thử thách 4 năm kể từ ngày tuyên án; ngày 23/6/2022 bị cáo đã chấp hành xong thời hạn thử thách; ngày 21/7/2022 bị cáo phạm tội mới nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đặc biệt bị cáo đã tác động gia đình bị cáo để bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hơn nữa bị cáo đã đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình tại Cơ quan điều

tra nên HĐXX cấp sơ thẩm áp dụng điểm b-s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 09 năm tù là dưới mức thấp nhất khung hình phạt là đúng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn hơn so với phiên tòa sơ thẩm, gia đình bị cáo có xuất trình thêm hồ sơ khám chữa bệnh Viêm dạ dầy ruột, viêm gan nhiễm mỡ và Huy chương kháng chiến hạng nhất cấp cho ông Trần Văn B1 (là anh của bị cáo); Giấy chứng nhận cụ Trần Ngọc Đ1 (Điềm) (là bố đẻ) đã đóng góp cho làng trẻ em S; Bằng khen của bà Phí Thị V (là mẹ chồng); truy tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho ông Phí Văn B2 (là bố chồng). Đây là những tình tiết mới được xuất trình trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Nguyệt N1 là chị gái của bị cáo xác nhận số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại 700.000.000 đồng, bị cáo đã nhờ bà trả cho bà Vũ Thị T2 số tiền trên, bà đã trả đủ và không có ý kiến gì về số tiền này, sau khi nhận được tiền bà T2 cũng đã đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Thị L.

Do đó HĐXX đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

**[4] Về án phí**: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1**. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo, sửa một phần quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 khoản Điều 52, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Trần Thị L 07** (bẩy) năm tù về tội ***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2023.

**2**. Về án phí: Bị cáo phải không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam CA thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu: VT, HCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Xuân Trọng**